

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2025
V/v Kiện ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Anh Tuấn.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Thế Chiến và ông Vũ Kim Quy.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:** Bà HĐok Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “*Kiện xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. Có mặt.
- **Bị đơn:** Anh Lê Quang C, sinh năm 1991. Vắng mặt lần thứ 03 không có lý do. Cùng trú tại: Thôn B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2024 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Chị H kết hôn với anh Lê Quang C vào ngày 06/12/2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh C ham chơi không lo gia đình, gây nợ nần ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, hiện hai người đã sống ly thân. Nhận thấy giữa chị và anh C không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Quang C.

Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung: Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2015 và Lê Nguyễn Minh C1, sinh ngày 28/12/2020. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Minh C1; còn anh C

có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Anh T đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Tại bản tự khai ngày 17/10/2024, bị đơn anh Lê Quang C trình bày:**

Anh C kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống những năm gần đây, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C ít quan tâm, không giành thời gian cho gia đình và có một khoản nợ bên ngoài giấu chị H, hiện các khoản nợ này anh C đã giải quyết. Chính từ những nguyên nhân trên chị H làm đơn xin ly hôn anh C. Về mặt tình cảm, hiện anh C còn rất yêu thương vợ con, anh mong muốn được đoàn tụ, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C và chị H có 02 con chung: Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2015 và Lê Nguyễn Minh C1, sinh ngày 28/12/2020. Nếu buộc phải ly hôn, anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Anh T; còn chị H có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Minh C1 đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nếu buộc phải ly hôn, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, chị H được ly hôn anh Lê Quang C.

+ Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung: Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2015 và Lê Nguyễn Minh C1, sinh ngày 28/12/2020. Khi cho ly hôn, các đương sự không có tranh chấp về nuôi dưỡng con chung, cần giao con chung Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2015 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Lê Nguyễn Minh C1, sinh ngày 28/12/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện ly hôn anh Lê Quang C. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*kiện xin ly hôn*”.

Bị đơn anh Lê Quang C trú tại thôn B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lê Quang C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Quang C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/12/2013. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, những năm gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; anh C không quan tâm đến gia đình, gây nợ nần ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, còn chị H thì nhất quyết xin ly hôn anh C.

Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh C đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp.

[2.2]. *Về con chung*: Chị H và anh C có 02 con chung: Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2015 và Lê Nguyễn Minh C1, sinh ngày 28/12/2020. Khi cho ly hôn, các đương sự không có tranh chấp về nuôi dưỡng con chung, trên cơ sở nguyện vọng của con, cần giao con chung Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2015 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Lê Nguyễn Minh C1, sinh ngày 28/12/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[2.1]. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Quang C.

[2.2]. *Về con chung:* Chị H và anh C có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2015 và cháu Lê Nguyễn Minh C1, sinh ngày 28/12/2020.

Giao cháu Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2015 cho anh Lê Quang C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Giao cháu Lê Nguyễn Minh C1, sinh ngày 28/12/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Chị H, anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, tại biên lai số: 8501 ngày 27 tháng 9 năm 2024.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND TT B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Anh Tuấn